

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

VAI TRÒ CỦA CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG TIẾN BỘ XÃ HỘI

NGUYỄN MINH HOÀN (*)

Tóm tắt: Công bằng xã hội là một nguyên tắc phân phối lợi ích, thước đo của nó là sự bình đẳng trong quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ, được thực hiện dựa trên sự tự nguyện của các cá nhân. Công bằng xã hội không chỉ có tác động mạnh mẽ, tích cực trong lĩnh vực kinh tế, mà còn đóng vai trò điều chỉnh quan hệ giữa con người với con người trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, đạo đức... Do vậy, nó vừa tạo nên trạng thái ổn định của xã hội, vừa tạo nên những điều kiện cần thiết thúc đẩy xã hội phát triển theo hướng tiến bộ. Đồng thời, công bằng xã hội còn là điều kiện để mỗi cá nhân có thể phát huy cao nhất năng lực vốn có cũng như được phát triển ngày càng toàn diện hơn.

Phải chăng công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế là những mục tiêu không tương dung nhau và do đó, hoặc là phải hy sinh công bằng xã hội để đạt được tăng trưởng kinh tế, hoặc là phải hy sinh tăng trưởng kinh tế để đạt được công bằng xã hội? Nhưng, nếu công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế là những mục tiêu tương dung nhau thì công bằng xã hội có vai trò như thế nào trong tiến bộ xã hội? Việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận trên đây là đặc biệt cần thiết, bởi nó liên quan trực tiếp đến mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

C.Mác và Ph.Ăngghen từng khẳng định: "Con người làm ra lịch sử của mình - vô luận là lịch sử này diễn ra thế nào - bằng cách là mỗi người theo đuổi những mục đích riêng, mong muốn một cách có ý thức, và chính kết quả chung của vô số những ý muốn tác động theo nhiều hướng khác nhau đó và của những ảnh hưởng muôn vẻ của những ý muốn đó vào thế giới bên ngoài đã tạo nên lịch sử"(1). Nếu xã hội dưới bất cứ hình thức nào cũng đều là "sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người",

thì sự vận động và phát triển của xã hội chính là kết quả của sự giải quyết mâu thuẫn giữa người và người trong hoạt động tìm kiếm, bảo vệ lợi ích để thoả mãn nhu cầu của mỗi chủ thể. Nguyên tắc phân phối lợi ích được hình thành trong mối quan hệ lợi ích giữa người và người là thước đo để phân chia lợi ích chung của xã hội. Thước đo này được quy định bởi điều kiện kinh tế - xã hội của một phương thức sản xuất nhất định, trước hết là quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất (quan hệ xác định địa vị của mỗi cá nhân trong nền sản xuất). Nguyên tắc phân phối lợi ích dựa trên cơ sở địa vị của các cá nhân trong quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất trở thành nguyên tắc phân phối chung của mọi phương thức sản xuất.

Trong khi đó, công bằng xã hội cũng là một nguyên tắc phân phối lợi ích. Khác với nguyên tắc phân phối nói chung, thước đo của nguyên tắc phân phối lợi ích công bằng chính là sự bình đẳng giữa người và người trong mối quan hệ tương ứng giữa cống hiến và hưởng thụ với tiêu chí cống hiến

(*) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.436.

ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau. Hơn nữa, nếu nguyên tắc phân phối nói chung được thực hiện bằng cách không dựa trên sự thoả thuận tự nguyện chung thì ngược lại, nguyên tắc phân phối lợi ích công bằng lại được thực hiện dựa trên sự thoả thuận tự nguyện của mọi cá nhân cùng tham gia vào một quan hệ lợi ích. Vì thế, tác động của nguyên tắc phân phối công bằng tới hoạt động của con người không mang tính cưỡng bức, mà có tính tích cực. Điều đó càng kích thích sự cống hiến tự nguyện của mỗi cá nhân vào hoạt động chung của xã hội vì lợi ích của mình và của cả cộng đồng. Nói cách khác, nguyên tắc phân phối công bằng mà nội dung của nó là sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ đã khiến cho không một cá nhân nào cảm thấy mình bị thiệt thòi; hơn thế, còn thúc đẩy mỗi người tự nguyện "hoạt động hơn nữa". Chính sự tự nguyện "hoạt động hơn nữa" ấy của mọi thành viên đã thúc đẩy xã hội tiếp tục vận động và phát triển. Theo nghĩa đó, công bằng xã hội là một động lực tích cực tạo nên sự vận động và phát triển mạnh mẽ của xã hội.

Có thể nói, công bằng xã hội với tư cách động lực phát triển kinh tế - xã hội hoàn toàn mang tính khách quan, phổ biến và tất yếu. Bởi vì, xã hội là kết quả hoạt động của những con người có nhu cầu, lợi ích và mục đích riêng của mình, mà nhu cầu, lợi ích và mục đích ấy của con người đều bị quy định bởi hoàn cảnh bên ngoài, trước hết là hoàn cảnh kinh tế (đặc biệt là quan hệ kinh tế hay quan hệ lợi ích giữa người và người). Ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể với một hoàn cảnh kinh tế - xã hội nhất định, bao giờ cũng có một thước đo của công bằng xã hội tương ứng làm căn cứ để xác định một tỷ lệ tương ứng cụ thể giữa cống hiến và hưởng thụ cho mọi chủ thể cùng tham dự vào hoạt động của nền sản xuất xã hội. Ph.Ăngghen khẳng định: "Phương thức phân phối về căn bản là phụ

thuộc vào chỗ số lượng nào của sản phẩm được phân phối, và số lượng này, dĩ nhiên thay đổi tuỳ theo sự tiến bộ của sản xuất và của tổ chức xã hội, do đó cả phương thức phân phối ắt phải thay đổi theo"⁽²⁾.

Thước đo nêu trên của công bằng xã hội còn là căn cứ cho các chủ thể lợi ích tự do chiểu với khả năng của bản thân mình để điều chỉnh nhu cầu và lựa chọn những lợi ích phù hợp với tương quan lợi ích chung của xã hội. Nếu mỗi cá nhân đều nhận thức được nguyên tắc của công bằng xã hội theo nghĩa trên thì xã hội luôn được ổn định và phát triển. Hơn nữa, vì công bằng xã hội luôn được thực hiện bằng một thước đo về mối quan hệ lợi ích giữa người và người trong xã hội, cho nên thước đo ấy cũng chính là cái để "ngăn chặn" và "trừng phạt" những cá nhân vi phạm quan hệ lợi ích chung của xã hội. Tóm lại, thước đo của công bằng xã hội vừa là yếu tố kích thích sự cống hiến của con người, vừa là công cụ để bảo vệ lợi ích chung của xã hội và lợi ích của mỗi cá nhân trong xã hội ấy. Đến lượt mình, xã hội có công bằng sẽ động viên, kích thích sự cống hiến của các cá nhân, nghĩa là huy động được nhiều hơn nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, trí lực... cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nguyên tắc phân phối công bằng tạo cơ hội bình đẳng cho mỗi cá nhân đều có quyền tự do lựa chọn việc tham gia cống hiến vào sự phát triển của xã hội cũng như quyền được hưởng thụ tương xứng với những cống hiến đó. Do vậy, công bằng xã hội chính là nhân tố kích thích, động viên mọi người ra sức tham gia cống hiến cho sự phát triển của xã hội một cách tự nguyện nhất. Với ý nghĩa đó, công bằng xã hội trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội nói riêng và sự tiến bộ xã hội nói chung.

Nhưng, suy cho cùng, chỉ có hoạt động bằng lao động của con người mới thực sự đóng một vai trò quyết định cho sự phát

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.37, tr.604.

triển của nền kinh tế - xã hội. Trong một hình thái kinh tế - xã hội, khi nào công bằng xã hội dựa trên xuất phát điểm bình đẳng giữa người và người trong quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất và thước đo sự công bằng ấy là nguyên tắc phân phối theo lao động thì lúc ấy, *công bằng xã hội mới đúng là sự công bằng của con người, do con người và vì con người*. Hơn nữa, khi nguyên tắc phân phối công bằng theo nghĩa trên ngày càng chiếm ưu thế, nó không chỉ là một trong những động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, mà còn ngày càng khẳng định vai trò chủ thể của con người; đồng thời, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện con người. Nói cách khác, nếu nguyên tắc phân phối nói chung của xã hội ngày càng căn cứ vào lao động như một *xuất phát điểm bình đẳng* giữa người và người thì lợi ích của những người lao động (những chủ thể sáng tạo ra mọi thành quả phát triển xã hội) ngày càng được tôn trọng, nghĩa là người lao động luôn được hưởng thụ thoả đáng thành quả lao động của mình. Có như vậy thì người lao động (nguồn lực của mọi nguồn lực) mới ra sức lao động, sáng tạo và cống hiến ngày càng nhiều cho sự phát triển kinh tế. Đến lượt mình, sự phát triển của kinh tế, của lực lượng sản xuất tạo nên cốt lõi của tiến bộ xã hội, do đó, *công bằng xã hội chính là động lực của tiến bộ xã hội*.

Công bằng xã hội không chỉ có tác động mạnh mẽ, tích cực trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài lĩnh vực đặc biệt quan trọng đó, công bằng xã hội còn đóng vai trò điều chỉnh quan hệ giữa người và người trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, đạo đức, pháp quyền,... để đảm bảo sự tương xứng giữa nghĩa vụ và quyền lợi của các cá nhân hay các nhóm xã hội. Nếu sự tương xứng giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa quyền lợi và nghĩa vụ của con người được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đảm bảo cho mọi người đều được đối xử ngang bằng nhau, phù hợp với những cống

hiến, tài năng, phẩm giá, trách nhiệm... của họ, không ai bị thiệt thòi, không ai bị rơi vào cảnh bị đối xử bất công, v.v. thì sự công bằng xã hội này sẽ không chỉ tạo ra trạng thái ổn định – điều kiện tối cần thiết cho sự phát triển theo hướng tiến bộ của xã hội, mà còn tạo ra bầu không khí tâm lý xã hội lành mạnh, phấn khởi, có tác dụng kích thích tính tích cực, năng động của con người trong hoạt động thúc đẩy sự phát triển xã hội theo hướng nói trên. Việc con người được tôn trọng, được đối xử công bằng sẽ hình thành ở họ một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội, làm cho các quan hệ xã hội của con người ngày càng trở nên tốt đẹp hơn, tiến bộ hơn.

Đây là nét *khác biệt* cơ bản giữa vai trò động lực của công bằng xã hội trong tiến bộ xã hội và vai trò động lực của nguyên tắc trao đổi ngang giá trong nền kinh tế thị trường (với tính cách là công bằng trong lĩnh vực kinh tế). Thực vậy, nguyên tắc trao đổi ngang giá là nguyên tắc chỉ tác động trong quan hệ trao đổi hàng hoá, nghĩa là chỉ tác động trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài lĩnh vực đó, chẳng hạn, trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, đạo đức, pháp quyền, v.v. nguyên tắc trao đổi ngang giá không tác động (loại trừ trường hợp nó bị lợi dụng để thay cho nguyên tắc công bằng vốn có trong mỗi lĩnh vực xã hội khác nhau).

Trong lĩnh vực kinh tế, quan hệ trao đổi ngang giá lại được thực hiện dựa trên cơ sở của việc “tự do lựa chọn” của mỗi cá nhân hay mỗi chủ thể lợi ích tham gia vào quan hệ trao đổi trên thị trường. Do sự “tự do lựa chọn” này và do những người tham gia trao đổi hoàn toàn được bình đẳng, không ai ép buộc ai nên nguyên tắc trao đổi ngang giá được các học giả tư sản coi là một nguyên tắc trao đổi “rất công bằng”. Mặc dầu vậy, không thể vì thế mà đồng nhất nguyên tắc trao đổi ngang giá với nguyên tắc công bằng xã hội, cũng như không thể đồng nhất vai trò động lực của

nguyên tắc trao đổi ngang giá với vai trò động lực của nguyên tắc công bằng xã hội nói chung.

Quả thực, nhìn bề ngoài, có sự giống nhau giữa nguyên tắc công bằng xã hội và nguyên tắc trao đổi ngang giá; bởi vì, lợi ích của mỗi cá nhân đều được đảm bảo theo mức độ đóng góp dưới nhiều hình thức, như sức lao động, vốn, tài sản, trí tuệ, tri thức khoa học, trình độ tay nghề... Vì lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế đều được đảm bảo phù hợp với mức độ và hiệu quả khi tham gia vào nền sản xuất, nên mỗi chủ thể càng hoạt động tích cực hơn, ra sức phát huy tính năng động, sáng tạo; từ đó, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Phân tích vai trò của quy luật kinh tế thị trường mà hạt nhân là nguyên tắc trao đổi ngang giá cho thấy, nguyên tắc này đã mở ra những khả năng cho việc giải phóng sức sản xuất xã hội, phát huy tính năng động và năng lực sáng tạo của từng cá nhân. Sự tác động của nguyên tắc này đòi hỏi mọi chủ thể sản xuất kinh doanh và từng cá nhân người lao động phải tuân theo quy luật kinh tế nhằm đảm bảo các lợi ích kinh tế của mình. Từ đó, mỗi chủ thể kinh tế phải phát huy khả năng nhiều mặt của bản thân để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Có thể nói, đây là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền sản xuất xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường, lợi ích của mỗi cá nhân được chú trọng; điều đó đã nâng cao tính tự giác, ý thức trách nhiệm của người lao động, của các chủ thể sản xuất kinh doanh đối với công việc và sản phẩm lao động của mình. Ngoài ra, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường với sự chi phối của những quy luật kinh tế, đặc biệt là quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh, đã mở ra những điều kiện, cơ hội thuận lợi cho con người phát triển năng lực của mình, cung cấp cho họ những phương án để tự lựa chọn; đồng thời, nó cũng làm bộc lộ những yếu kém, bất cập của con người. Sự khác nhau về khả năng giữa các

chủ thể đã dẫn đến mức độ đáp ứng không giống nhau trước những đòi hỏi khắc nghiệt của các quy luật trong nền kinh tế thị trường. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo và tình trạng bất bình đẳng trong quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, xu hướng vận động của xã hội luôn buộc mọi người phải tuân theo một "xuất phát điểm" phù hợp với hoàn cảnh phát triển, chứ không phải hạ thấp mức độ xuất phát so với mặt bằng phát triển để có "sự ngang bằng như nhau" cho mọi cá nhân.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một mặt, nguyên tắc trao đổi ngang giá sẽ phát triển và thúc đẩy một sự trao đổi ngang giá ngày càng thực sự hơn so với trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, yêu cầu định hướng xã hội chủ nghĩa cũng khiến cho quan hệ trao đổi ngang giá ở đây ngày càng có tính công bằng hơn. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng tạo ra nhiều cơ hội bình đẳng hơn cho tất cả mọi người có thể phát huy được tính năng động của mình, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội và đưa đất nước đi lên; đồng thời, cho phép thực hiện các hình thức phân phối tương xứng với sự cống hiến về nhiều mặt của mỗi cá nhân trong xã hội. Nói cách khác, việc tạo ra một xuất phát điểm như nhau sẽ phần nào hạn chế được sự khác biệt vốn có giữa người và người về khả năng bẩm sinh cũng như những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Điều đó sẽ làm cho việc phân phối ngày càng trở nên công bằng hơn.

Nhưng, việc tạo ra một xuất phát điểm bình đẳng cho mọi cá nhân lại là công việc của cả cộng đồng, trong đó Nhà nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sự điều tiết của Nhà nước mới thực sự là "chìa khoá để đáp ứng những nhu cầu phức tạp và trái ngược nhau của xã hội"⁽³⁾. Sự điều tiết của

(3) Nguyễn Hữu Vương, *Về tiến bộ xã hội trong kinh tế thị trường*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.166.

Nhà nước phải được thực hiện bằng các chủ trương, chính sách phù hợp với thước đo của công bằng xã hội, chứ không phải là được áp đặt một cách chủ quan. Điều này thể hiện ở chỗ, Nhà nước phải dùng những chính sách kinh tế - xã hội khác nhau để điều chỉnh và tạo đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế, đặc biệt là dùng các chính sách thu hút những nguồn lực về vốn, tài sản, hay lao động có chất lượng cao... Bên cạnh đó, cần phải kết hợp chính sách phát triển kinh tế với chính sách phát triển xã hội. Có như vậy mới thực sự làm cho công bằng xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trở nên đầy đủ hơn.

Ngược lại, sẽ là bất hợp lý và phản tác dụng nếu Nhà nước can thiệp quá sâu vào sự vận hành của nền kinh tế bằng mệnh lệnh chủ quan hay điều tiết bằng cách phân phối mang tính cào bằng, bình quân chủ nghĩa. Những can thiệp hoặc điều tiết như vậy chỉ dẫn đến chỗ làm triệt tiêu động lực của sự phát triển kinh tế.

Để đảm bảo thực hiện công bằng xã hội, đồng thời làm cho công bằng xã hội trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, sự điều tiết của Nhà nước cần hướng vào những nhân tố chủ đạo đang thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nói riêng và sự phát triển của xã hội nói chung. Tại sao vậy? Vì, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, những nhân tố chủ đạo quyết định sự phát triển của nền kinh tế - xã hội không giống nhau. Theo đó, sự điều tiết của Nhà nước nếu tập trung vào *những nhân tố chủ yếu đang chi phối đời sống kinh tế - xã hội* sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Ngược lại, nếu sự điều tiết đó không nhằm vào những nhân tố đang đóng vai trò chủ yếu thì nó sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Kinh nghiệm của một số nước Đông Á được coi là mô hình thành công trong việc giải quyết công bằng xã hội cho thấy, trong

thời kỳ đầu phát triển, chính phủ của các quốc gia này đã đầu tư rất nhiều vào phổ cập giáo dục tiểu học trước khi triển khai chiến lược tăng trưởng sử dụng nhiều lao động. Trong thời kỳ tiếp theo, họ đã mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục trung học và đại học trước khi bắt đầu thực hiện hình thức tăng trưởng sử dụng nhiều kỹ thuật và vốn trong thập kỷ 70 và 80. Từ thập kỷ 90, họ đã đẩy nhanh chiến lược đào tạo về máy tính, chuyên môn và cơ khí trước khi chuyển sang các ngành công nghiệp sử dụng nhiều thông tin và công nghệ. Kết quả là không có sự xung đột giữa tăng trưởng và phân phối ở các nước này. Ở đây, việc điều tiết chế độ phân phối nhấn mạnh vào chính những nhân tố đang thúc đẩy cho sự tăng trưởng kinh tế đã càng tạo được động lực cho sự tăng trưởng kinh tế⁽⁴⁾. Những kinh nghiệm trên đây cho thấy, sự điều tiết đúng đắn, hợp lý của Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời làm hạn chế đáng kể sự phát sinh cũng như ảnh hưởng của những mặt trái của nền kinh tế thị trường.

Phân phối lợi ích một cách công bằng là yếu tố kích thích trực tiếp các chủ thể tích cực tham gia vào những hoạt động cống hiến, đóng góp để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Nói cách khác, nếu thước đo công bằng xã hội phù hợp với lợi ích chung của xã hội - lợi ích được cấu thành từ những nhân tố chủ đạo của sự phát triển kinh tế - xã hội - sẽ góp phần rất quan trọng trong việc huy động mọi nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Công bằng xã hội còn là điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, phát triển ngày càng toàn diện và thúc đẩy xã hội phát triển theo hướng tiến bộ. □

(4) Xem: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. *Tư duy mới về phát triển cho thế kỷ XXI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 53.